

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

ĐIỀU HÀNH CÔNG TY CỔ PHẦN
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN
KHU VẬN TẢI CẢNG

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	13 - 39

MÔN: TOÁN

Thời gian làm bài: 90 phút

1.

Cho hàm số $y = x^3 - 3x^2 + 2x - 1$

2.

Cho hàm số $y = x^3 - 3x^2 + 2x - 1$

3.

Cho hàm số $y = x^3 - 3x^2 + 2x - 1$

4.

Cho hàm số $y = x^3 - 3x^2 + 2x - 1$

5.

Cho hàm số $y = x^3 - 3x^2 + 2x - 1$

6.

Cho hàm số $y = x^3 - 3x^2 + 2x - 1$

7.

Cho hàm số $y = x^3 - 3x^2 + 2x - 1$

ĐÁP ÁN

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Khái quát về Công ty

Công ty là công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0309532497, đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 1 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh 07 lần cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi do thay đổi địa chỉ, bổ sung ngành nghề kinh doanh và tăng vốn điều lệ, trong đó lần thứ 07 vào ngày 01 tháng 3 năm 2021 do thay đổi địa chỉ.

Vốn điều lệ của Công ty: 199.910.200.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : 028 37 423 929
- Fax : 028 37 423 029
- E-mail : khovantancang@saigonnewport.com.vn

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Dịch vụ đại lý làm thủ tục hải quan, đại lý vận tải hàng hóa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật);
- Dịch vụ xếp dỡ, vận tải container, dịch vụ kiểm đếm hàng hóa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh, dịch vụ đại lý tàu biển.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bỏ nhiệm
Ông Ngô Văn Ngr	Chủ tịch	Bỏ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Ông Trịnh Văn Mọi	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2015
Ông Trần Quang Thảo	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2015
Ông Đoàn Phi	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2018
Ông Đỗ Xuân Minh	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2019

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bỏ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thúy Nga	Trưởng ban	Bỏ nhiệm ngày 17 tháng 6 năm 2021
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 17 tháng 6 năm 2021
Bà Mai Thị Trâm	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 17 tháng 6 năm 2021
Ông Ngô Đa Nghiê Minh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 17 tháng 6 năm 2021

CONFIDENTIAL

The following information is being provided to you for your information only. It is not intended to be used for any other purpose.

Introduction

This document is intended to provide you with information regarding the use of the system. It is not intended to be used for any other purpose.

The information contained in this document is confidential and should be kept secure. It is not to be distributed outside the organization.

The information contained in this document is confidential and should be kept secure.

Conclusion

The information contained in this document is confidential and should be kept secure.

References

1. [Reference 1]

2. [Reference 2]

3. [Reference 3]

4. [Reference 4]

5. [Reference 5]

6. [Reference 6]

7. [Reference 7]

8. [Reference 8]

9. [Reference 9]

10. [Reference 10]

11. [Reference 11]

12. [Reference 12]

13. [Reference 13]

14. [Reference 14]

15. [Reference 15]

16. [Reference 16]

17. [Reference 17]

18. [Reference 18]

19. [Reference 19]

20. [Reference 20]

21. [Reference 21]

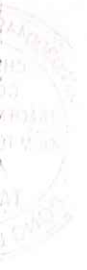
22. [Reference 22]

23. [Reference 23]

24. [Reference 24]

25. [Reference 25]

CONFIDENTIAL



CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Trần Quang Thảo	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2018
Ông Đoàn Phi	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2018
Ông Bùi Văn Bằng	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 5 năm 2021
Ông Nguyễn Duy Thanh	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2021

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trần Quang Thảo (bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2018).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

53
3
H
V
C
H
815-0
NHÂN
NG TY
HIỆM H
N VÀ T
& C
H A N
A - T

1990-1991	1990-1991	1990-1991
1990-1991	1990-1991	1990-1991
1990-1991	1990-1991	1990-1991
1990-1991	1990-1991	1990-1991
1990-1991	1990-1991	1990-1991

1990-1991

1990-1991

1990-1991

1990-1991

1990-1991

1990-1991

1990-1991

1990-1991

1990-1991

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc,



Trần Quang Thảo

Ngày 9 tháng 8 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 10/1 Đường Nguyễn Văn Trỗi, Quận Tân Cảng, TP. Hồ Chí Minh

Ngày: 15/05/2024

Chúng tôi xin thông báo rằng công ty đã nhận được đơn hàng của quý khách và đang tiến hành xử lý. Mọi thắc mắc xin liên hệ bộ phận chăm sóc khách hàng.

Trân trọng cảm ơn!



[Handwritten signature]

Người đại diện: *[Name]*

Chức vụ: *[Position]*

[Vertical handwritten text on the left margin]

[Vertical handwritten text on the left margin]

[Vertical handwritten text on the left margin]

[Handwritten text at the bottom]

[Handwritten text at the bottom]

Head Office : 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970 kttv@a-c.com.vn
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam
Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869 kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam
Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806 kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Can Tho : 15-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam
Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996 kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 2.0461/21/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 9 tháng 8 năm 2021, từ trang 07 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Lê Văn Khoa - Phó Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1794-2018-008-1

Hà Nội, ngày 9 tháng 8 năm 2021

Faint horizontal lines of text

Second block of faint text

Third block of faint text

Fourth block of faint text

Fifth block of faint text

Sixth block of faint text

Seventh block of faint text

Eighth block of faint text



CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		393.618.207.857	342.594.806.260
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	134.295.563.583	151.581.790.994
1. Tiền	111		29.795.563.583	19.581.790.994
2. Các khoản tương đương tiền	112		104.500.000.000	132.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		92.000.000.000	65.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	92.000.000.000	65.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		159.197.306.166	115.307.653.223
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	146.995.992.874	99.640.406.602
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4a	5.082.643.514	15.016.530.050
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	10.168.447.682	3.700.494.475
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(3.049.777.904)	(3.049.777.904)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		2.578.279.838	2.553.294.149
1. Hàng tồn kho	141	V.7	2.578.279.838	2.553.294.149
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.547.058.270	8.152.067.894
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	5.547.058.270	8.152.067.894
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		197.191.632.215	187.369.821.623
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		13.569.712.000	13.510.512.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.4b	13.510.512.000	13.510.512.000
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	59.200.000	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		147.481.752.195	115.326.448.012
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	144.141.841.033	111.372.044.435
<i>Nguyên giá</i>	222		518.309.089.337	466.772.625.260
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(374.167.248.304)	(355.400.580.825)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	3.339.911.162	3.954.403.577
<i>Nguyên giá</i>	228		9.843.555.930	9.843.555.930
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(6.503.644.768)	(5.889.152.353)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.11	2.061.680.577	27.406.056.834
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.061.680.577	27.406.056.834
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2b	28.100.000.000	28.100.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		28.100.000.000	28.100.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5.978.487.443	3.026.804.777
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	3.814.959.982	2.360.420.711
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12	2.163.527.461	666.384.066
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		590.809.840.072	529.964.627.883

Sl. No.	Particulars	2017-18	2016-17
1	Salaries and allowances	100	100
2	Grants-in-aid	100	100
3	Capital expenditure	100	100
4	Current expenditure	100	100
5	Contingencies	100	100
6	Subsidies	100	100
7	Depreciation	100	100
8	Interest on loans	100	100
9	Income tax	100	100
10	Income from other sources	100	100
11	Income from investments	100	100
12	Income from other sources	100	100
13	Income from investments	100	100
14	Income from other sources	100	100
15	Income from investments	100	100
16	Income from other sources	100	100
17	Income from investments	100	100
18	Income from other sources	100	100
19	Income from investments	100	100
20	Income from other sources	100	100
21	Income from investments	100	100
22	Income from other sources	100	100
23	Income from investments	100	100
24	Income from other sources	100	100
25	Income from investments	100	100
26	Income from other sources	100	100
27	Income from investments	100	100
28	Income from other sources	100	100
29	Income from investments	100	100
30	Income from other sources	100	100
31	Income from investments	100	100
32	Income from other sources	100	100
33	Income from investments	100	100
34	Income from other sources	100	100
35	Income from investments	100	100
36	Income from other sources	100	100
37	Income from investments	100	100
38	Income from other sources	100	100
39	Income from investments	100	100
40	Income from other sources	100	100
41	Income from investments	100	100
42	Income from other sources	100	100
43	Income from investments	100	100
44	Income from other sources	100	100
45	Income from investments	100	100
46	Income from other sources	100	100
47	Income from investments	100	100
48	Income from other sources	100	100
49	Income from investments	100	100
50	Income from other sources	100	100
51	Income from investments	100	100
52	Income from other sources	100	100
53	Income from investments	100	100
54	Income from other sources	100	100
55	Income from investments	100	100
56	Income from other sources	100	100
57	Income from investments	100	100
58	Income from other sources	100	100
59	Income from investments	100	100
60	Income from other sources	100	100
61	Income from investments	100	100
62	Income from other sources	100	100
63	Income from investments	100	100
64	Income from other sources	100	100
65	Income from investments	100	100
66	Income from other sources	100	100
67	Income from investments	100	100
68	Income from other sources	100	100
69	Income from investments	100	100
70	Income from other sources	100	100
71	Income from investments	100	100
72	Income from other sources	100	100
73	Income from investments	100	100
74	Income from other sources	100	100
75	Income from investments	100	100
76	Income from other sources	100	100
77	Income from investments	100	100
78	Income from other sources	100	100
79	Income from investments	100	100
80	Income from other sources	100	100
81	Income from investments	100	100
82	Income from other sources	100	100
83	Income from investments	100	100
84	Income from other sources	100	100
85	Income from investments	100	100
86	Income from other sources	100	100
87	Income from investments	100	100
88	Income from other sources	100	100
89	Income from investments	100	100
90	Income from other sources	100	100
91	Income from investments	100	100
92	Income from other sources	100	100
93	Income from investments	100	100
94	Income from other sources	100	100
95	Income from investments	100	100
96	Income from other sources	100	100
97	Income from investments	100	100
98	Income from other sources	100	100
99	Income from investments	100	100
100	Income from other sources	100	100

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		301.467.583.468	212.557.205.937
I. Nợ ngắn hạn	310		269.398.751.136	181.237.672.619
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	65.260.634.404	78.217.814.480
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		14.895.000	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	19.590.705.257	7.149.361.231
4. Phải trả người lao động	314		53.853.285.801	39.135.507.990
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	11.103.893.553	3.331.920.332
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	61.905.988.933	7.765.982.496
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	17.400.745.332	16.109.885.428
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	40.268.602.856	29.527.200.662
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		32.068.832.332	31.319.533.318
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	32.068.832.332	31.319.533.318
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

IN SENATE,
January 11, 1911.
REPORT
OF THE
COMMISSIONERS OF THE GENERAL LAND OFFICE

Section	Page	Page	Page
1. General Information	1	2	3
2. Lands of the State	4	5	6
3. Lands of the United States	7	8	9
4. Lands of the Railroad Companies	10	11	12
5. Lands of the State and Federal Government	13	14	15
6. Lands of the State and Federal Government	16	17	18
7. Lands of the State and Federal Government	19	20	21
8. Lands of the State and Federal Government	22	23	24
9. Lands of the State and Federal Government	25	26	27
10. Lands of the State and Federal Government	28	29	30
11. Lands of the State and Federal Government	31	32	33
12. Lands of the State and Federal Government	34	35	36
13. Lands of the State and Federal Government	37	38	39
14. Lands of the State and Federal Government	40	41	42
15. Lands of the State and Federal Government	43	44	45
16. Lands of the State and Federal Government	46	47	48
17. Lands of the State and Federal Government	49	50	51
18. Lands of the State and Federal Government	52	53	54
19. Lands of the State and Federal Government	55	56	57
20. Lands of the State and Federal Government	58	59	60
21. Lands of the State and Federal Government	61	62	63
22. Lands of the State and Federal Government	64	65	66
23. Lands of the State and Federal Government	67	68	69
24. Lands of the State and Federal Government	70	71	72
25. Lands of the State and Federal Government	73	74	75
26. Lands of the State and Federal Government	76	77	78
27. Lands of the State and Federal Government	79	80	81
28. Lands of the State and Federal Government	82	83	84
29. Lands of the State and Federal Government	85	86	87
30. Lands of the State and Federal Government	88	89	90
31. Lands of the State and Federal Government	91	92	93
32. Lands of the State and Federal Government	94	95	96
33. Lands of the State and Federal Government	97	98	99
34. Lands of the State and Federal Government	100	101	102
35. Lands of the State and Federal Government	103	104	105
36. Lands of the State and Federal Government	106	107	108
37. Lands of the State and Federal Government	109	110	111
38. Lands of the State and Federal Government	112	113	114
39. Lands of the State and Federal Government	115	116	117
40. Lands of the State and Federal Government	118	119	120
41. Lands of the State and Federal Government	121	122	123
42. Lands of the State and Federal Government	124	125	126
43. Lands of the State and Federal Government	127	128	129
44. Lands of the State and Federal Government	130	131	132
45. Lands of the State and Federal Government	133	134	135
46. Lands of the State and Federal Government	136	137	138
47. Lands of the State and Federal Government	139	140	141
48. Lands of the State and Federal Government	142	143	144
49. Lands of the State and Federal Government	145	146	147
50. Lands of the State and Federal Government	148	149	150



CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		289.342.256.604	317.407.421.946
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	289.342.256.604	317.407.421.946
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		199.910.200.000	199.910.200.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		199.910.200.000	199.910.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		56.225.495.755	37.328.168.600
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		33.206.560.849	80.169.053.346
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		551.114.449	80.169.053.346
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		32.655.446.400	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		590.809.840.072	529.964.627.883

Người lập biểu

Nguyễn Cẩm Trang

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng Liên

Lập, ngày 9 tháng 8 năm 2021

Giám đốc

Trần Quang Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH TÍN DỤNG

...
 ...
 ...
 ...

STT	Mô tả chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị
1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100



...
 ...
 ...

...
 ...
 ...

...

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	358.513.015.832	304.634.966.334
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		358.513.015.832	304.634.966.334
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	279.949.192.106	238.985.432.413
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		78.563.823.726	65.649.533.921
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	9.195.161.673	8.053.676.720
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.044.009.532	2.559.881.769
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.035.419.522	2.465.096.415
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	4.584.313.610	4.525.622.899
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	20.191.369.502	17.482.315.792
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		60.939.292.755	49.135.390.181
11. Thu nhập khác	31	VI.7	224.845.183	335.039.828
12. Chi phí khác	32	VI.8	358.843.164	516.994.205
13. Lợi nhuận khác	40		(133.997.981)	(181.954.377)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		60.805.294.774	48.953.435.804
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	12.750.090.317	9.047.057.715
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	(1.497.143.395)	174.992.158
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>49.552.347.852</u>	<u>39.731.385.931</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	-	-

Người lập biểu

Nguyễn Cẩm Trang

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng Liên

Lập, ngày 9 tháng 8 năm 2021

Giám đốc



Trần Quang Thảo

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ VÀ KINH DOANH

Đơn vị: VND

Đơn vị tính: VND

Đơn vị: VND

Đơn vị tính: VND

STT	Mô tả chi tiết	Đơn vị tính	Số tiền
1	Thu nhập từ bán hàng	VND	100.000.000
2	Thu nhập từ cung cấp dịch vụ	VND	50.000.000
3	Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản	VND	20.000.000
4	Thu nhập từ hoạt động tài chính	VND	10.000.000
5	Thu nhập từ hoạt động khác	VND	5.000.000
6	Chi phí bán hàng	VND	(10.000.000)
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	VND	(20.000.000)
8	Chi phí tài chính	VND	(5.000.000)
9	Chi phí khác	VND	(2.000.000)
10	Thu nhập từ hoạt động khác	VND	1.000.000
11	Thu nhập khác	VND	1.000.000
12	Chi phí khác	VND	(1.000.000)
13	Thu nhập khác	VND	1.000.000
14	Thu nhập khác	VND	1.000.000
15	Chi phí khác	VND	(1.000.000)
16	Chi phí khác	VND	(1.000.000)
17	Thu nhập khác	VND	1.000.000
18	Chi phí khác	VND	(1.000.000)
19	Thu nhập khác	VND	1.000.000
20	Chi phí khác	VND	(1.000.000)
21	Thu nhập khác	VND	1.000.000
22	Chi phí khác	VND	(1.000.000)
23	Thu nhập khác	VND	1.000.000
24	Chi phí khác	VND	(1.000.000)
25	Thu nhập khác	VND	1.000.000
26	Chi phí khác	VND	(1.000.000)
27	Thu nhập khác	VND	1.000.000
28	Chi phí khác	VND	(1.000.000)
29	Thu nhập khác	VND	1.000.000
30	Chi phí khác	VND	(1.000.000)
31	Thu nhập khác	VND	1.000.000
32	Chi phí khác	VND	(1.000.000)
33	Thu nhập khác	VND	1.000.000
34	Chi phí khác	VND	(1.000.000)
35	Thu nhập khác	VND	1.000.000
36	Chi phí khác	VND	(1.000.000)
37	Thu nhập khác	VND	1.000.000
38	Chi phí khác	VND	(1.000.000)
39	Thu nhập khác	VND	1.000.000
40	Chi phí khác	VND	(1.000.000)
41	Thu nhập khác	VND	1.000.000
42	Chi phí khác	VND	(1.000.000)
43	Thu nhập khác	VND	1.000.000
44	Chi phí khác	VND	(1.000.000)
45	Thu nhập khác	VND	1.000.000
46	Chi phí khác	VND	(1.000.000)
47	Thu nhập khác	VND	1.000.000
48	Chi phí khác	VND	(1.000.000)
49	Thu nhập khác	VND	1.000.000
50	Chi phí khác	VND	(1.000.000)
51	Thu nhập khác	VND	1.000.000
52	Chi phí khác	VND	(1.000.000)
53	Thu nhập khác	VND	1.000.000
54	Chi phí khác	VND	(1.000.000)
55	Thu nhập khác	VND	1.000.000
56	Chi phí khác	VND	(1.000.000)
57	Thu nhập khác	VND	1.000.000
58	Chi phí khác	VND	(1.000.000)
59	Thu nhập khác	VND	1.000.000
60	Chi phí khác	VND	(1.000.000)
61	Thu nhập khác	VND	1.000.000
62	Chi phí khác	VND	(1.000.000)
63	Thu nhập khác	VND	1.000.000
64	Chi phí khác	VND	(1.000.000)
65	Thu nhập khác	VND	1.000.000
66	Chi phí khác	VND	(1.000.000)
67	Thu nhập khác	VND	1.000.000
68	Chi phí khác	VND	(1.000.000)
69	Thu nhập khác	VND	1.000.000
70	Chi phí khác	VND	(1.000.000)
71	Thu nhập khác	VND	1.000.000
72	Chi phí khác	VND	(1.000.000)
73	Thu nhập khác	VND	1.000.000
74	Chi phí khác	VND	(1.000.000)
75	Thu nhập khác	VND	1.000.000
76	Chi phí khác	VND	(1.000.000)
77	Thu nhập khác	VND	1.000.000
78	Chi phí khác	VND	(1.000.000)
79	Thu nhập khác	VND	1.000.000
80	Chi phí khác	VND	(1.000.000)
81	Thu nhập khác	VND	1.000.000
82	Chi phí khác	VND	(1.000.000)
83	Thu nhập khác	VND	1.000.000
84	Chi phí khác	VND	(1.000.000)
85	Thu nhập khác	VND	1.000.000
86	Chi phí khác	VND	(1.000.000)
87	Thu nhập khác	VND	1.000.000
88	Chi phí khác	VND	(1.000.000)
89	Thu nhập khác	VND	1.000.000
90	Chi phí khác	VND	(1.000.000)
91	Thu nhập khác	VND	1.000.000
92	Chi phí khác	VND	(1.000.000)
93	Thu nhập khác	VND	1.000.000
94	Chi phí khác	VND	(1.000.000)
95	Thu nhập khác	VND	1.000.000
96	Chi phí khác	VND	(1.000.000)
97	Thu nhập khác	VND	1.000.000
98	Chi phí khác	VND	(1.000.000)
99	Thu nhập khác	VND	1.000.000
100	Chi phí khác	VND	(1.000.000)



[Handwritten signature]

[Handwritten signature]

Người lập báo cáo

Người kiểm tra

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	60.805.294.774	48.953.435.804
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02 VI.11	19.381.159.894	22.084.690.107
- Các khoản dự phòng	03	-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04 VI.4	6.440.716	65.445.109
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(9.166.594.304)	(7.975.416.885)
- Chi phí lãi vay	06 VI.4	2.035.419.522	2.465.096.415
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	73.061.720.602	65.593.250.550
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(41.662.401.062)	4.167.252.482
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(24.985.689)	(49.726.880)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	9.401.743.355	21.949.764.720
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.150.470.353	3.158.941.010
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(1.749.163.274)	(2.153.522.260)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15 V.14	(4.659.929.690)	(2.939.471.423)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16 V.18	35.000.000	80.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17 V.18	(14.934.459.000)	(11.853.113.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	20.617.995.595	77.953.375.199
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(16.390.029.702)	(7.295.215.925)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(27.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.655.473.757	8.349.518.260
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(39.734.555.945)	1.054.302.335

THE UNIVERSITY OF THE SOUTH PACIFIC
SCHOOL OF BUSINESS AND MANAGEMENT
FINANCIAL ACCOUNTING
ASSIGNMENT 1

QUESTION 1: THE COMPANY FROM THE END OF 1998

Year ending 31st Dec 1998

(\$'000)

Assets

Current assets

Inventory

100,000

150,000

200,000

250,000

300,000

350,000

400,000

450,000

500,000

550,000

600,000

650,000

700,000

750,000

800,000

850,000

900,000

950,000

1,000,000

1,050,000

1,100,000

1,150,000

1,200,000

1,250,000

1,300,000

1,350,000

1,400,000

1,450,000

1,500,000

1,550,000

1,600,000

1,650,000

1,700,000

1,750,000

1,800,000

1,850,000

1,900,000

1,950,000

2,000,000

1. The company's financial statements for the year ending 31st Dec 1998 are as follows:
Income Statement
Revenue 1,000,000
Cost of Sales (600,000)
Gross Profit 400,000
Operating Expenses (200,000)
Operating Profit 200,000
Finance Costs (50,000)
Taxation (30,000)
Profit After Tax 120,000
Dividends Paid (80,000)
Retained Profit 40,000
Balance Sheet
Assets
Fixed Assets 1,000,000
Current Assets 1,000,000
Total Assets 2,000,000
Liabilities
Current Liabilities 1,000,000
Total Liabilities 1,000,000
Equity
Share Capital 1,000,000
Retained Profit 40,000
Total Equity 1,040,000
Total Liabilities and Equity 2,040,000

10/10/10

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.17	10.095.101.632	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17	(8.054.942.714)	(9.072.548.714)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(201.199.600)	(39.336.115.800)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>1.838.959.318</i>	<i>(48.408.664.514)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(17.277.601.032)	30.599.013.020
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	151.581.790.994	145.094.324.478
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(8.626.379)	(76.324.607)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	134.295.563.583	175.617.012.891

Lập, ngày 9 tháng 8 năm 2021

Người lập biểu

Nguyễn Cẩm Trang

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng Liên

Giám đốc



Trần Quang Thảo

STT	Họ và tên	Đơn vị	Chức vụ	Chức vụ
1	Nguyễn Văn A	Phòng Kế toán	Trưởng phòng	Trưởng phòng
2	Trần Thị B	Phòng Kế toán	Trưởng phòng	Trưởng phòng
3	Nguyễn Văn C	Phòng Kế toán	Trưởng phòng	Trưởng phòng
4	Trần Thị D	Phòng Kế toán	Trưởng phòng	Trưởng phòng
5	Nguyễn Văn E	Phòng Kế toán	Trưởng phòng	Trưởng phòng
6	Trần Thị F	Phòng Kế toán	Trưởng phòng	Trưởng phòng
7	Nguyễn Văn G	Phòng Kế toán	Trưởng phòng	Trưởng phòng
8	Trần Thị H	Phòng Kế toán	Trưởng phòng	Trưởng phòng
9	Nguyễn Văn I	Phòng Kế toán	Trưởng phòng	Trưởng phòng
10	Trần Thị J	Phòng Kế toán	Trưởng phòng	Trưởng phòng



[Handwritten signature]
 Nguyễn Văn A
 Trưởng phòng Kế toán

[Handwritten signature]
 Trần Thị B
 Trưởng phòng Kế toán

[Handwritten mark]

30

30

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ đại lý làm thủ tục hải quan, đại lý vận tải hàng hóa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật);
- Dịch vụ xếp dỡ, vận tải container, dịch vụ kiểm đếm hàng hóa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh, dịch vụ đại lý tàu biển.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	Cảng Tân Cảng - Cát Lái, số 1295A, đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh	Vận tải hàng hóa; cho thuê kho bãi và lưu giữ hàng hóa; dịch vụ đóng gói.	57,50%	57,50%	57,50%
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	Số 938A13 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh	Bốc xếp hàng hóa; kho bãi và lưu giữ hàng hóa.	51,00%	51,00%	51,00%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có 451 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 445 nhân viên).

THE UNIVERSITY OF CHICAGO

PH.D. THESIS

THE UNIVERSITY OF CHICAGO

PH.D. THESIS

THE UNIVERSITY OF CHICAGO

PH.D. THESIS

THE UNIVERSITY OF CHICAGO

PH.D. THESIS

THE UNIVERSITY OF CHICAGO

PH.D. THESIS

THE UNIVERSITY OF CHICAGO

PH.D. THESIS

THE UNIVERSITY OF CHICAGO

PH.D. THESIS

THE UNIVERSITY OF CHICAGO

PH.D. THESIS

PH.D. THESIS

THE UNIVERSITY OF CHICAGO

THE UNIVERSITY OF CHICAGO

THE UNIVERSITY OF CHICAGO

THE UNIVERSITY OF CHICAGO

PH.D. THESIS

THE UNIVERSITY OF CHICAGO

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

1. THE HARMONIC OSCILLATOR

1.1. The harmonic oscillator is defined by the potential energy function

$V(x) = \frac{1}{2}kx^2$. The mass of the particle is m . The angular frequency is $\omega = \sqrt{k/m}$.

1.2. The energy eigenvalues are given by

$$E_n = \hbar\omega \left(n + \frac{1}{2} \right), \quad n = 0, 1, 2, \dots$$

1.3. The energy eigenfunctions are given by

2. THE QUANTUM HARMONIC OSCILLATOR

2.1. The ground state wave function is given by

$$\psi_0(x) = \left(\frac{m\omega}{\pi\hbar} \right)^{1/4} e^{-\frac{m\omega x^2}{2\hbar}}$$

2.2. The first excited state wave function is given by

$$\psi_1(x) = \left(\frac{m\omega}{\pi\hbar} \right)^{1/4} \sqrt{\frac{2}{\hbar m\omega}} x e^{-\frac{m\omega x^2}{2\hbar}}$$

2.3. The expectation value of the position operator in the ground state is

$$\langle x \rangle_0 = \int_{-\infty}^{\infty} x |\psi_0(x)|^2 dx = 0$$

2.4. The expectation value of the position operator in the first excited state is

$$\langle x \rangle_1 = \int_{-\infty}^{\infty} x |\psi_1(x)|^2 dx = 0$$

2.5. The expectation value of the momentum operator in the ground state is

3. THE QUANTUM HARMONIC OSCILLATOR

3.1. The ground state wave function is given by

$$\psi_0(x) = \left(\frac{m\omega}{\pi\hbar} \right)^{1/4} e^{-\frac{m\omega x^2}{2\hbar}}$$

3.2. The first excited state wave function is given by

$$\psi_1(x) = \left(\frac{m\omega}{\pi\hbar} \right)^{1/4} \sqrt{\frac{2}{\hbar m\omega}} x e^{-\frac{m\omega x^2}{2\hbar}}$$

3.3. The expectation value of the position operator in the ground state is

$$\langle x \rangle_0 = \int_{-\infty}^{\infty} x |\psi_0(x)|^2 dx = 0$$

3.4. The expectation value of the position operator in the first excited state is

$$\langle x \rangle_1 = \int_{-\infty}^{\infty} x |\psi_1(x)|^2 dx = 0$$

3.5. The expectation value of the momentum operator in the ground state is

$$\langle p \rangle_0 = \int_{-\infty}^{\infty} p |\psi_0(x)|^2 dx = 0$$

3.6. The expectation value of the momentum operator in the first excited state is

$$\langle p \rangle_1 = \int_{-\infty}^{\infty} p |\psi_1(x)|^2 dx = 0$$

3.7. The expectation value of the energy operator in the ground state is

$$\langle E \rangle_0 = \int_{-\infty}^{\infty} \psi_0^* \hat{H} \psi_0 dx = \frac{1}{2}\hbar\omega$$

3.8. The expectation value of the energy operator in the first excited state is

$$\langle E \rangle_1 = \int_{-\infty}^{\infty} \psi_1^* \hat{H} \psi_1 dx = \frac{3}{2}\hbar\omega$$

3.9. The expectation value of the energy operator in the second excited state is

$$\langle E \rangle_2 = \int_{-\infty}^{\infty} \psi_2^* \hat{H} \psi_2 dx = \frac{5}{2}\hbar\omega$$

3.10. The expectation value of the energy operator in the third excited state is

$$\langle E \rangle_3 = \int_{-\infty}^{\infty} \psi_3^* \hat{H} \psi_3 dx = \frac{7}{2}\hbar\omega$$

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho là nguyên vật liệu được xác định bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 12
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 05
Tài sản cố định khác	3 - 10

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan

The calculator is designed to perform all the basic arithmetic operations and to store the results of these operations in its memory. It is also capable of performing more complex operations such as percentages, square roots, and reciprocals.

OPERATION

The calculator is operated by means of a series of push buttons. The power button is used to turn the calculator on and off. The numeric buttons are used to enter digits and the decimal point. The function buttons are used to perform the various operations.

POWER

The calculator is powered by a 9V battery. The battery is located on the back of the calculator and is replaced by a standard 9V battery.

POWER OFF

To turn the calculator off, press the power button. The calculator will stop operating and the display will show zero.

POWER ON

To turn the calculator on, press the power button. The calculator will start operating and the display will show zero.

POWER OFF

The calculator is designed to be used in a variety of ways. It can be used as a simple calculator or as a more complex scientific calculator. The memory function allows you to store the results of calculations and use them later.

POWER OFF

The calculator is designed to be used in a variety of ways. It can be used as a simple calculator or as a more complex scientific calculator. The memory function allows you to store the results of calculations and use them later.

1	1
2	2
3	3
4	4
5	5
6	6
7	7
8	8
9	9
0	0
.	.
1/x	1/x
√	√
%	%
MC	MC
MR	MR
M+	M+
M-	M-
CE	CE
AC	AC

POWER OFF

The calculator is designed to be used in a variety of ways. It can be used as a simple calculator or as a more complex scientific calculator. The memory function allows you to store the results of calculations and use them later.

COMPTON

COMPTON

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng; máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như

The first part of the book is devoted to a study of the history of the...
The second part of the book is devoted to a study of the history of the...
The third part of the book is devoted to a study of the history of the...

THE HISTORY OF THE UNIVERSITY OF CHICAGO

The history of the University of Chicago is a story of growth and...
The history of the University of Chicago is a story of growth and...
The history of the University of Chicago is a story of growth and...

THE HISTORY OF THE UNIVERSITY OF CHICAGO

The history of the University of Chicago is a story of growth and...
The history of the University of Chicago is a story of growth and...
The history of the University of Chicago is a story of growth and...

The history of the University of Chicago is a story of growth and...
The history of the University of Chicago is a story of growth and...
The history of the University of Chicago is a story of growth and...

The history of the University of Chicago is a story of growth and...
The history of the University of Chicago is a story of growth and...
The history of the University of Chicago is a story of growth and...

THE HISTORY OF THE UNIVERSITY OF CHICAGO

The history of the University of Chicago is a story of growth and...
The history of the University of Chicago is a story of growth and...
The history of the University of Chicago is a story of growth and...

The history of the University of Chicago is a story of growth and...
The history of the University of Chicago is a story of growth and...
The history of the University of Chicago is a story of growth and...

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

1. The first part of the document discusses the importance of maintaining accurate records of all transactions. This is essential for ensuring the integrity of the financial statements and for providing a clear audit trail.

2. In addition, it is crucial to establish a strong internal control system. This involves implementing policies and procedures that minimize the risk of errors and fraud, while also ensuring the efficient and effective use of resources.

3. Furthermore, regular communication and collaboration between all levels of the organization are vital. This helps to ensure that everyone is aware of their responsibilities and is working towards the same goals.

4. Finally, it is important to stay up-to-date on the latest accounting standards and regulations. This ensures that the organization's financial reporting remains compliant and transparent.

5. In conclusion, these five key areas are essential for the success of any organization. By focusing on these areas, management can ensure that the organization's financial health is strong and sustainable.

6. The second part of the document provides a detailed overview of the company's financial performance over the past year. This includes a breakdown of revenue, expenses, and net income, as well as a comparison to the previous year.

7. Overall, the company has shown a steady increase in revenue and a decrease in expenses, resulting in a significant improvement in net income. This is a testament to the hard work and dedication of the entire team.

8. Looking ahead, the company is optimistic about the future and expects continued growth. This will be achieved through a combination of strategic investments, operational improvements, and a focus on customer satisfaction.

9. In summary, the company's financial performance has been excellent, and the management team is confident in the company's ability to continue to grow and succeed in the years ahead.

10. Finally, the document concludes with a statement of appreciation for the support and cooperation of all stakeholders. It also includes a list of contact information for those who may have any questions or concerns.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

1. The first part of the paper discusses the importance of the philosophical method. It argues that philosophy is not just a collection of ideas, but a way of thinking. The author emphasizes the need for clarity and precision in our reasoning.

2. In the second part, the author explores the concept of truth. They argue that truth is not simply a matter of correspondence with reality, but involves a complex interplay of social and cultural factors. This section challenges the traditional view of truth as objective and universal.

3. The third part of the paper deals with the question of value. The author examines the relationship between moral values and human well-being. They suggest that a good life is not just about the pursuit of pleasure, but about the cultivation of virtues and the pursuit of the good.

4. Finally, the author discusses the role of philosophy in society. They argue that philosophy is not just an academic exercise, but a way of life. It is through philosophy that we can better understand ourselves and the world around us.

5. The paper concludes by reflecting on the future of philosophy. The author believes that philosophy remains a vital and relevant discipline, one that continues to shape our understanding of the human condition.

6. In the final section, the author offers some thoughts on the practical implications of their work. They encourage students to engage with philosophy not just as a subject, but as a way of thinking that can guide their lives.

7. The author also reflects on their own journey as a philosopher. They share their struggles and triumphs, and offer advice to students who are just beginning their philosophical journey.

8. The paper ends with a call to action. The author urges students to continue to explore the big questions of life, and to seek the wisdom that philosophy can offer.

9. The author concludes the paper with a final thought: philosophy is a journey, not a destination. It is a path that leads us to a deeper understanding of ourselves and the world.

10. The paper is a testament to the power of philosophy to transform our lives. It is a work that invites us to think, to question, and to seek the truth.

11. The author expresses their gratitude to their students and colleagues for their support and encouragement. They hope that this paper will be a source of inspiration and guidance for many.

12. The paper is a work of love and dedication. It is a reflection of the author's passion for philosophy and their commitment to the pursuit of knowledge.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	215.830.281	154.424.497
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	29.579.733.302	19.427.366.497
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	104.500.000.000	132.000.000.000
Cộng	134.295.563.583	151.581.790.994

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng dưới 01 năm, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc.

2b. Đầu tư vào Công ty con

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị	Số lượng cổ phiếu	Giá trị
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái ⁽ⁱ⁾	2.300.000	23.000.000.000	2.300.000	23.000.000.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực ⁽ⁱⁱ⁾	510.000	5.100.000.000	510.000	5.100.000.000
Cộng		28.100.000.000		28.100.000.000

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0310151760 ngày 13 tháng 07 năm 2010 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 ngày 07 tháng 8 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái có vốn điều lệ là 40.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái 23.000.000.000 VND, sở hữu 2.300.000 cổ phần tương đương 57,50% vốn điều lệ (không thay đổi so với số đầu năm).

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0310959597 ngày 30 tháng 6 năm 2011 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 ngày 21 tháng 11 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực có vốn điều lệ là 10.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực 5.100.000.000 VND, sở hữu 510.000 cổ phần tương đương 51% vốn điều lệ (không thay đổi so với đầu năm).

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của công ty con

Công ty con đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

...

...

...

...

...

...

...
...
...
...
...
...

...

...

...

...

...

...
...
...
...
...
...

...

...

...

...

...

...

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giao dịch với các công ty con

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với công ty con như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái		
Cung cấp dịch vụ cho Công ty con	327.973.606	437.071.983
Sử dụng dịch vụ của Công ty con	34.049.924.720	27.889.573.994
Cổ tức nhận được từ Công ty con	4.255.000.000	3.450.000.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực		
Cung cấp dịch vụ cho Công ty con	4.136.736.087	4.205.063.795
Sử dụng dịch vụ của Công ty con	4.799.409.664	241.634.763
Cổ tức nhận được từ Công ty con	1.275.000.000	678.891.328

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan		
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	104.528.778.448	62.729.371.474
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	92.969.319.523	54.375.866.297
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	40.907.300	485.100
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	89.700.000	66.935.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	225.186.687	356.451.431
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	4.998.072.246	3.161.650.396
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	29.033.250	203.205.250
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái	6.172.467.000	4.564.778.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	4.092.442	-
Phải thu các khách hàng khác	42.467.214.426	36.911.035.128
Cộng	146.995.992.874	99.640.406.602

4. Trả trước cho người bán

4a. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho bên liên quan		
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	893.330.000	-
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	893.330.000	-
Trả trước cho người bán khác		
Công ty TNHH Hiệp Lực	4.189.313.514	15.016.530.050
Công ty TNHH Hiệp Lực	3.377.628.000	6.755.256.000
Công ty Cổ phần Xây dựng T.C.O.N.S	-	2.393.000.000
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đường Cao tốc Việt Nam	205.950.950	234.041.850
Công ty Cổ phần Unico Vina	-	2.997.000.000
Công ty TNHH Thiết bị Công nghiệp nặng Mico	290.400.000	1.161.600.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Kiến Cường	-	700.454.700
Công ty TNHH Cơ khí Việt	-	704.715.000
Các nhà cung cấp khác	315.334.564	70.462.500
Cộng	5.082.643.514	15.016.530.050

1. The first part of the document is a list of items...

Item No.	Description	Quantity	Unit Price	Total Price
1	Item 1	10	100	1000
2	Item 2	5	200	1000
3	Item 3	20	50	1000
4	Item 4	15	70	1050
5	Item 5	8	130	1040
6	Item 6	12	90	1080
7	Item 7	6	180	1080
8	Item 8	4	270	1080
9	Item 9	3	360	1080
10	Item 10	2	540	1080
11	Item 11	1	1080	1080
12	Item 12	1	1080	1080
13	Item 13	1	1080	1080
14	Item 14	1	1080	1080
15	Item 15	1	1080	1080
16	Item 16	1	1080	1080
17	Item 17	1	1080	1080
18	Item 18	1	1080	1080
19	Item 19	1	1080	1080
20	Item 20	1	1080	1080
21	Item 21	1	1080	1080
22	Item 22	1	1080	1080
23	Item 23	1	1080	1080
24	Item 24	1	1080	1080
25	Item 25	1	1080	1080
26	Item 26	1	1080	1080
27	Item 27	1	1080	1080
28	Item 28	1	1080	1080
29	Item 29	1	1080	1080
30	Item 30	1	1080	1080
31	Item 31	1	1080	1080
32	Item 32	1	1080	1080
33	Item 33	1	1080	1080
34	Item 34	1	1080	1080
35	Item 35	1	1080	1080
36	Item 36	1	1080	1080
37	Item 37	1	1080	1080
38	Item 38	1	1080	1080
39	Item 39	1	1080	1080
40	Item 40	1	1080	1080
41	Item 41	1	1080	1080
42	Item 42	1	1080	1080
43	Item 43	1	1080	1080
44	Item 44	1	1080	1080
45	Item 45	1	1080	1080
46	Item 46	1	1080	1080
47	Item 47	1	1080	1080
48	Item 48	1	1080	1080
49	Item 49	1	1080	1080
50	Item 50	1	1080	1080

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4b. Trả trước cho người bán dài hạn

Là khoản trả trước tiền thuê cơ sở hạ tầng cho Công ty TNHH Hiệp Lực.

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	6.501.378.977	-	606.957.976	-
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn – chi phí sử dụng dịch vụ	971.378.977	-	606.957.976	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực - Cổ tức được chia	1.275.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái - Cổ tức và lợi nhuận được chia	4.255.000.000	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	3.667.068.705	-	3.093.536.499	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	1.252.024.659	-	1.270.904.112	-
Tạm ứng	1.230.385.767	-	845.280.848	-
Ký cược, ký quỹ	77.500.000	-	77.500.000	-
Các khoản chi hộ	1.078.340.770	-	896.073.271	-
Các khoản phải thu khác	28.817.509	-	3.778.268	-
Cộng	10.168.447.682	-	3.700.494.475	-

5b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản ký cược, ký quỹ dài hạn.

6. Nợ xấu

Là các khoản trích lập dự phòng phải thu khó đòi của khách hàng.

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	(3.049.777.904)	(3.042.209.376)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Số cuối kỳ	(3.049.777.904)	(3.042.209.376)

1. The first part of the report is a general introduction to the project. This includes a brief description of the project's objectives, the scope of the work, and the organization of the report.

2. The second part of the report is a detailed description of the methodology used in the study. This includes a description of the data sources, the data collection process, and the statistical methods used to analyze the data.

3. The third part of the report is a presentation of the results of the study. This includes a description of the findings, a discussion of the implications of the findings, and a conclusion.

4. The fourth part of the report is a list of references. This includes a list of all the sources of information used in the study.

5. The fifth part of the report is an appendix. This includes any additional information that is relevant to the study but that does not fit into the main body of the report.

Table 1: Summary of Data		Table 2: Summary of Results	
Year	Value	Year	Value
2001	100	2001	100
2002	110	2002	110
2003	120	2003	120
2004	130	2004	130
2005	140	2005	140
2006	150	2006	150
2007	160	2007	160
2008	170	2008	170
2009	180	2009	180
2010	190	2010	190
2011	200	2011	200
2012	210	2012	210
2013	220	2013	220
2014	230	2014	230
2015	240	2015	240
2016	250	2016	250
2017	260	2017	260
2018	270	2018	270
2019	280	2019	280
2020	290	2020	290
2021	300	2021	300

The data shows a steady increase in the value of the variable over the period from 2001 to 2021. The value starts at 100 in 2001 and reaches 300 by 2021. This increase is consistent with the theoretical expectations of the model. The results of the statistical analysis confirm the significance of the relationship between the variables. The findings have important implications for the understanding of the underlying process. The conclusion is that the model provides a good fit to the data and that the relationship between the variables is strong and positive.

6. The sixth part of the report is a list of appendices. This includes any additional information that is relevant to the study but that does not fit into the main body of the report.

7. The seventh part of the report is a list of references. This includes a list of all the sources of information used in the study.

8. The eighth part of the report is a list of figures. This includes any charts or graphs that are used to illustrate the results of the study.

9. The ninth part of the report is a list of tables. This includes any tables that are used to present the results of the study.

10. The tenth part of the report is a list of footnotes. This includes any additional information that is relevant to the study but that does not fit into the main body of the report.

Year	Value	Year	Value
2001	100	2001	100
2002	110	2002	110
2003	120	2003	120
2004	130	2004	130
2005	140	2005	140
2006	150	2006	150
2007	160	2007	160
2008	170	2008	170
2009	180	2009	180
2010	190	2010	190
2011	200	2011	200
2012	210	2012	210
2013	220	2013	220
2014	230	2014	230
2015	240	2015	240
2016	250	2016	250
2017	260	2017	260
2018	270	2018	270
2019	280	2019	280
2020	290	2020	290
2021	300	2021	300

The data shows a steady increase in the value of the variable over the period from 2001 to 2021. The value starts at 100 in 2001 and reaches 300 by 2021. This increase is consistent with the theoretical expectations of the model. The results of the statistical analysis confirm the significance of the relationship between the variables. The findings have important implications for the understanding of the underlying process. The conclusion is that the model provides a good fit to the data and that the relationship between the variables is strong and positive.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

Là nguyên liệu, vật liệu tồn kho.

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ dụng cụ	1.228.402.768	2.275.363.227
Chi phí bảo hiểm	3.139.240.631	4.161.730.439
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.179.414.871	1.714.974.228
Cộng	<u>5.547.058.270</u>	<u>8.152.067.894</u>

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.302.630.239	1.072.899.788
Chi phí sửa chữa	1.277.851.320	1.030.207.232
Chi phí trả trước dài hạn khác	234.478.423	257.313.691
Cộng	<u>3.814.959.982</u>	<u>2.360.420.711</u>

THE UNIVERSITY OF CHICAGO
LIBRARY

1950
1951
1952
1953
1954
1955
1956
1957
1958
1959
1960
1961
1962
1963
1964
1965
1966
1967
1968
1969
1970
1971
1972
1973
1974
1975
1976
1977
1978
1979
1980
1981
1982
1983
1984
1985
1986
1987
1988
1989
1990
1991
1992
1993
1994
1995
1996
1997
1998
1999
2000
2001
2002
2003
2004
2005
2006
2007
2008
2009
2010
2011
2012
2013
2014
2015
2016
2017
2018
2019
2020
2021
2022
2023
2024
2025

1950
1951
1952
1953
1954
1955
1956
1957
1958
1959
1960
1961
1962
1963
1964
1965
1966
1967
1968
1969
1970
1971
1972
1973
1974
1975
1976
1977
1978
1979
1980
1981
1982
1983
1984
1985
1986
1987
1988
1989
1990
1991
1992
1993
1994
1995
1996
1997
1998
1999
2000
2001
2002
2003
2004
2005
2006
2007
2008
2009
2010
2011
2012
2013
2014
2015
2016
2017
2018
2019
2020
2021
2022
2023
2024
2025



CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	137.139.733.272	165.193.333.584	109.329.138.257	4.875.148.470	50.235.271.677	466.772.625.260
Mua trong kỳ	-	12.771.818.182	-	-	2.135.500.000	14.907.318.182
Đầu tư XDCB hoàn thành	32.155.084.588	-	-	-	4.474.061.307	36.629.145.895
Số cuối kỳ	169.294.817.860	177.965.151.766	109.329.138.257	4.875.148.470	56.844.832.984	518.309.089.337

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.307.293.635	96.953.596.398	78.958.158.996	4.632.113.015	18.522.066.765	200.373.228.809
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	70.192.404.583	142.397.814.660	97.208.155.919	4.696.303.524	40.905.902.139	355.400.580.825
Khấu hao trong kỳ	6.598.735.528	4.483.116.394	4.516.546.865	35.052.566	3.133.216.126	18.766.667.479
Số cuối kỳ	76.791.140.111	146.880.931.054	101.724.702.784	4.731.356.090	44.039.118.265	374.167.248.304

Giá trị còn lại

Số đầu năm	66.947.328.689	22.795.518.924	12.120.982.338	178.844.946	9.329.369.538	111.372.044.435
Số cuối kỳ	92.503.677.749	31.084.220.712	7.604.435.473	143.792.380	12.805.714.719	144.141.841.033

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo số sách là 112.539.164.255 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú và Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh.



... ..

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

Là phần mềm máy vi tính.

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	9.843.555.930	5.889.152.353	3.954.403.577
Khấu hao trong kỳ	-	614.492.415	614.492.415
Số cuối kỳ	9.843.555.930	6.503.644.768	3.339.911.162

Một số tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng có nguyên giá là 3.698.631.800 VND.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Mua sắm tài sản cố định	-	14.907.318.182	(14.907.318.182)	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	27.406.056.834	11.403.511.953	(36.629.145.895)	(118.742.315)	2.061.680.577
<i>Công trình nhà kho 2 tầng tại Cảng Cát Lái</i>	<i>2.180.422.892</i>	-	-	<i>(118.742.315)</i>	<i>2.061.680.577</i>
<i>Công trình kho CFS 01</i>	<i>20.751.572.635</i>	<i>11.403.511.953</i>	<i>(32.155.084.588)</i>	-	-
<i>Hệ thống phòng cháy chữa cháy</i>	<i>2.026.951.801</i>	-	<i>(2.026.951.801)</i>	-	-
<i>Hệ thống camera</i>	<i>1.726.490.908</i>	-	<i>(1.726.490.908)</i>	-	-
<i>Hạng mục khác</i>	<i>720.618.598</i>	-	<i>(720.618.598)</i>	-	-
Cộng	27.406.056.834	26.310.830.135	(51.536.464.077)	(118.742.315)	2.061.680.577

Tổng chi phí lãi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ là 51.218.461 VND (cùng kỳ năm trước không phát sinh).

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

12a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ là chi phí chưa có hóa đơn, chứng từ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	666.384.066	903.249.698
Phát sinh trong kỳ	2.163.527.461	728.257.540
Hoàn nhập trong kỳ	(666.384.066)	(903.249.698)
Số cuối năm	2.163.527.461	728.257.540

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

12b. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ là Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ do phát sinh nhỏ.

Income tax return for the assessment year 2017-18

Income tax return for the assessment year 2017-18

Income tax return for the assessment year 2017-18

Income tax return for the assessment year 2017-18

Income tax return for the assessment year 2017-18

Income tax return for the assessment year 2017-18	Income tax return for the assessment year 2017-18	Income tax return for the assessment year 2017-18
Income tax return for the assessment year 2017-18	Income tax return for the assessment year 2017-18	Income tax return for the assessment year 2017-18
Income tax return for the assessment year 2017-18	Income tax return for the assessment year 2017-18	Income tax return for the assessment year 2017-18

Income tax return for the assessment year 2017-18

Part B - Details of income and deductions

Sl. No.	Particulars	Amount	Less: Deductions	Net Amount
1	Salary	10,00,000	0	10,00,000
2	House Rent Allowance	1,00,000	0	1,00,000
3	Interest on Secured Loan	50,000	0	50,000
4	Dividend Income	20,000	0	20,000
5	Capital Gains	1,00,000	0	1,00,000
6	Income from Other Sources	1,00,000	0	1,00,000
7	Total	12,70,000	0	12,70,000

Income tax return for the assessment year 2017-18

Part C - Details of tax paid

Sl. No.	Particulars	Amount
1	Tax on Salary	1,00,000
2	Tax on House Rent Allowance	0
3	Tax on Interest on Secured Loan	0
4	Tax on Dividend Income	0
5	Tax on Capital Gains	0
6	Tax on Income from Other Sources	0
7	Total	1,00,000

Income tax return for the assessment year 2017-18

Part D - Summary

Income tax return for the assessment year 2017-18	Income tax return for the assessment year 2017-18
Income tax return for the assessment year 2017-18	Income tax return for the assessment year 2017-18
Income tax return for the assessment year 2017-18	Income tax return for the assessment year 2017-18

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	43.637.907.054	53.637.889.230
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	23.632.990.058	31.486.265.752
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	1.058.831.070	651.283.940
Công ty Cổ phần Tiếp Vận Cát Lái	12.282.820.345	11.758.431.351
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	3.174.201.373	5.000.578.838
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	569.027.371	1.364.112.758
Công ty TNHH Phát triển nguồn Nhân lực Tân Cảng - STC	-	123.990.000
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	-	48.159.936
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	297.999.900	325.219.950
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	520.107.612	1.344.554.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung	32.975.800	7.749.500
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	308.409.200	272.789.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Hiệp Phước	21.859.200	70.456.100
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Bình Dương	1.081.215.000	602.265.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	130.705.000	296.587.392
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng	-	285.445.713
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái	11.880.000	-
Công ty Cổ phần Cung ứng TCOTS - Cát Lái	514.885.125	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	21.622.727.350	24.579.925.250
Các nhà cung cấp khác	21.622.727.350	24.579.925.250
Cộng	65.260.634.404	78.217.814.480

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.521.959.030	16.902.444.812	(11.752.996.289)	6.671.407.553
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.636.499.199	12.750.090.317	(4.659.929.690)	12.726.659.826
Thuế thu nhập cá nhân	990.903.002	3.680.730.755	(4.478.995.879)	192.637.878
Các loại thuế khác	-	11.997.209	(11.997.209)	-
Cộng	7.149.361.231	33.345.263.093	(20.903.919.067)	19.590.705.257

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

The following information is provided for your information only. It is not intended to be used as a substitute for professional advice. The information is provided for your information only. It is not intended to be used as a substitute for professional advice.

The following information is provided for your information only.

Item	Description	Amount
1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50

The following information is provided for your information only. It is not intended to be used as a substitute for professional advice.

Item	Description	Amount
1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50

The following information is provided for your information only. It is not intended to be used as a substitute for professional advice.

Item	Description	Amount
1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50

The following information is provided for your information only. It is not intended to be used as a substitute for professional advice.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60.805.294.774	48.953.435.804
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	8.358.004.356	410.744.101
- Các khoản điều chỉnh tăng	11.697.062.412	4.931.687.940
<i>Chi phí không hợp lý hợp lệ</i>	870.732.874	902.510.369
<i>Chi phí trích trước chưa có hóa đơn chứng từ</i>	10.817.637.305	3.952.861.854
<i>Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của tiền và các khoản phải thu</i>	8.692.233	76.315.717
- Các khoản điều chỉnh giảm	(3.339.058.056)	(4.520.943.839)
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của tiền và các khoản phải thu</i>	(7.137.724)	(4.695.347)
<i>Chi phí trích trước năm trước năm nay đã có hóa đơn chứng từ</i>	(3.331.920.332)	(4.516.248.492)
Thu nhập chịu thuế	69.163.299.130	49.364.179.905
Thu nhập được miễn thuế (cổ tức được chia)	(5.530.000.000)	(4.128.891.328)
Thu nhập tính thuế	63.633.299.130	45.235.288.577
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	12.726.659.826	9.047.057.715
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	23.430.491	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	12.750.090.317	9.047.057.715

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

REPORT OF THE BOARD OF DIRECTORS
FOR THE YEAR 1999

FINANCIAL STATEMENTS

The financial statements of the Company for the year ended 31st March 1999 are set out below.

Particulars	1999	1998
Revenue	1,234,567	1,123,456
Cost of Sales	(876,543)	(765,432)
Operating Profit	358,024	358,024
Finance Income	12,345	12,345
Finance Expenses	(5,678)	(5,678)
Profit Before Tax	364,691	364,691
Income Tax	(91,173)	(91,173)
Profit After Tax	273,518	273,518
Dividends	(100,000)	(100,000)
Retained Profit	173,518	173,518

The above financial statements have been audited and found to be correct.

Director's Signature

Date

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	3.181.546.557	2.059.644.719
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn - Tiền ăn ca, nâng hạ, sử dụng điện nước	2.501.074.075	2.002.045.501
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng - Chi phí xăng dầu	50.717.209	57.599.218
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực - Chi phí nhiên liệu	64.559.218	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng - Chi phí vệ sinh, sửa chữa cont	215.260.336	-
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng - Chi phí nâng hạ	32.726.628	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Bình Dương - Chi phí vận chuyển, nâng hạ	317.209.091	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	7.922.346.996	1.272.275.613
Chi phí lãi vay	286.256.248	-
Trích trước chi phí xây dựng kho CFS 01	5.030.490.385	-
Chi phí bốc xếp, nâng hạ, vận chuyển	1.514.239.000	-
Chi phí hoa hồng	489.474.273	422.924.591
Chi phí cho người lao động	560.750.980	773.035.840
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	41.136.110	76.315.182
Cộng	11.103.893.553	3.331.920.332

16. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả bên liên quan</i>	30.672.330.000	-
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn - Cổ tức phải trả	30.672.330.000	-
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	31.233.658.933	7.765.982.496
Kinh phí công đoàn	1.309.231.983	987.716.500
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	2.464.629.076	1.630.339.229
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	837.943.309	910.223.102
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	23.131.302.750	2.028.180.350
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	3.490.551.815	2.209.523.315
Cộng	61.905.988.933	7.765.982.496

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

17. Vay

17a. Vay ngắn hạn

Là các khoản vay dài hạn đến hạn trả Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú và Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (xem thuyết minh V.17b).

Công ty có khả năng trả được khoản vay ngắn hạn.

1. The first part of the report is the introduction. It should state the purpose of the study and the objectives to be achieved. It should also mention the scope of the study and the limitations of the study.

Sl. No.	Name of the Candidate	Grade
1	ABHIRAM K	B
2	ADARSH K	C
3	ADITHYAN K	A
4	ADITHYAN M	B
5	ADITHYAN P	C
6	ADITHYAN R	A
7	ADITHYAN S	B
8	ADITHYAN T	C
9	ADITHYAN U	A
10	ADITHYAN V	B
11	ADITHYAN W	C
12	ADITHYAN X	A
13	ADITHYAN Y	B
14	ADITHYAN Z	C
15	ADITHYAN AA	A
16	ADITHYAN AB	B
17	ADITHYAN AC	C
18	ADITHYAN AD	A
19	ADITHYAN AE	B
20	ADITHYAN AF	C
21	ADITHYAN AG	A
22	ADITHYAN AH	B
23	ADITHYAN AI	C
24	ADITHYAN AJ	A
25	ADITHYAN AK	B
26	ADITHYAN AL	C
27	ADITHYAN AM	A
28	ADITHYAN AN	B
29	ADITHYAN AO	C
30	ADITHYAN AP	A
31	ADITHYAN AQ	B
32	ADITHYAN AR	C
33	ADITHYAN AS	A
34	ADITHYAN AT	B
35	ADITHYAN AU	C
36	ADITHYAN AV	A
37	ADITHYAN AW	B
38	ADITHYAN AX	C
39	ADITHYAN AY	A
40	ADITHYAN AZ	B
41	ADITHYAN BA	C
42	ADITHYAN BB	A
43	ADITHYAN BC	B
44	ADITHYAN BD	C
45	ADITHYAN BE	A
46	ADITHYAN BF	B
47	ADITHYAN BG	C
48	ADITHYAN BH	A
49	ADITHYAN BI	B
50	ADITHYAN BJ	C
51	ADITHYAN BK	A
52	ADITHYAN BL	B
53	ADITHYAN BM	C
54	ADITHYAN BN	A
55	ADITHYAN BO	B
56	ADITHYAN BP	C
57	ADITHYAN BQ	A
58	ADITHYAN BR	B
59	ADITHYAN BS	C
60	ADITHYAN BT	A
61	ADITHYAN BU	B
62	ADITHYAN BV	C
63	ADITHYAN BV	A
64	ADITHYAN BV	B
65	ADITHYAN BV	C
66	ADITHYAN BV	A
67	ADITHYAN BV	B
68	ADITHYAN BV	C
69	ADITHYAN BV	A
70	ADITHYAN BV	B
71	ADITHYAN BV	C
72	ADITHYAN BV	A
73	ADITHYAN BV	B
74	ADITHYAN BV	C
75	ADITHYAN BV	A
76	ADITHYAN BV	B
77	ADITHYAN BV	C
78	ADITHYAN BV	A
79	ADITHYAN BV	B
80	ADITHYAN BV	C

Sl. No.	Name of the Candidate	Grade
81	ADITHYAN BV	A
82	ADITHYAN BV	B
83	ADITHYAN BV	C
84	ADITHYAN BV	A
85	ADITHYAN BV	B
86	ADITHYAN BV	C
87	ADITHYAN BV	A
88	ADITHYAN BV	B
89	ADITHYAN BV	C
90	ADITHYAN BV	A
91	ADITHYAN BV	B
92	ADITHYAN BV	C
93	ADITHYAN BV	A
94	ADITHYAN BV	B
95	ADITHYAN BV	C
96	ADITHYAN BV	A
97	ADITHYAN BV	B
98	ADITHYAN BV	C
99	ADITHYAN BV	A
100	ADITHYAN BV	B

The second part of the report is the methodology. It should describe the methods used to collect and analyze the data. It should also mention the tools and software used for data analysis.

The third part of the report is the results. It should present the findings of the study in a clear and concise manner. It should also include any charts or graphs that help to illustrate the results.

The fourth part of the report is the conclusion. It should summarize the main findings of the study and provide recommendations for future research.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	16.109.885.428	18.143.316.493
Số tiền vay phát sinh	-	-
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	9.345.802.618	8.054.942.714
Số tiền vay đã trả	(8.054.942.714)	(9.072.548.714)
Số cuối kỳ	17.400.745.332	17.125.710.493

17b. Vay dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh An Phú ⁽ⁱ⁾	15.287.653.604	23.342.596.318
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾	16.781.178.728	7.976.937.000
Cộng	32.068.832.332	31.319.533.318

(i) Khoản vay dài hạn phải trả Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú theo các hợp đồng vay trong năm 2014, 2015, 2016, 2017 để xây dựng tòa nhà văn phòng, xây dựng kho CFS tại Cảng Cát Lái, mua sắm các tài sản cố định. Thời hạn vay từ 5 năm đến 10 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên của hợp đồng vay. Lãi suất từ 7,9% đến 9,2%/năm. Tài sản đảm bảo là các tài sản cố định hình thành từ khoản vay (xem thuyết minh số V.9) và Quyền khai thác lô đất theo Hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng số 1989/KHKT-TC ngày 19 tháng 11 năm 2010 và các phụ lục kèm theo ký giữa Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng và Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn đến năm 2025, quyền khai thác dự án kho CFS hình thành từ vốn vay và vốn tự có và toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay.

(ii) Khoản vay dài hạn phải trả Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số 27565/20MN/HĐTD ngày 28 tháng 10 năm 2020 để xây dựng kho CFS số 6 tại Cảng Cát Lái. Lãi suất khoản vay năm đầu: 9,3%/năm (cố định). Từ năm thứ 2 trở đi: Lãi suất cho vay bằng lãi suất huy động KHDN kỳ hạn 12 tháng, lĩnh lãi cuối kỳ của HDBank (loại 1) + biên độ 2,2%/năm, lãi suất cho vay tối thiểu 9%/năm (LS cho vay điều chỉnh 03 tháng/lần). Tài sản đảm bảo bao gồm: Công trình xây dựng trên đất và quyền khai thác CTXD hình thành từ dự án xây dựng kho chứa hàng CFS giai đoạn 2 (Kho 6) của Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng và toàn bộ lợi ích phát sinh từ dự án này; Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng số 1989/KHKT-TC ngày 19/11/2010 và các phụ lục kèm theo tương ứng với diện tích cơ sở hạ tầng dùng để đầu tư kho CFS giai đoạn 2 (kho số 6) ký giữa Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng và Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn. Thời hạn vay là 96 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 01 năm (khoản vay được bắt đầu trả nợ từ năm 2022).

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	17.400.745.332	16.109.885.428
Trên 1 năm đến 5 năm	25.614.532.834	27.900.846.036
Trên 5 năm	6.454.299.499	3.418.687.282
Cộng	49.469.577.664	47.429.418.746

ĐỀ THI THỬ ĐẠI HỌC NĂM 2011
Môn: Toán - Khối A
Thời gian làm bài: 150 phút
Đề thi gồm có 01 trang và 01 phụ lục.

1. Cho hàm số $y = f(x)$ có bảng biến thiên như sau:

x	$f'(x)$	$f(x)$
$-\infty$	$+$	$+$
$-\frac{1}{2}$	0	$+$
$-\frac{1}{3}$	$-$	$+$
0	0	$+$
$\frac{1}{3}$	$+$	$+$
$\frac{1}{2}$	0	$+$
1	$-$	$+$
$+\infty$	$-$	$+$

2. Cho hàm số $y = f(x)$ có bảng biến thiên như sau:

x	$f'(x)$	$f(x)$
$-\infty$	$+$	$+$
$-\frac{1}{2}$	0	$+$
$-\frac{1}{3}$	$-$	$+$
0	0	$+$
$\frac{1}{3}$	$+$	$+$
$\frac{1}{2}$	0	$+$
1	$-$	$+$
$+\infty$	$-$	$+$

3. Cho hàm số $y = f(x)$ có bảng biến thiên như sau:

x	$f'(x)$	$f(x)$
$-\infty$	$+$	$+$
$-\frac{1}{2}$	0	$+$
$-\frac{1}{3}$	$-$	$+$
0	0	$+$
$\frac{1}{3}$	$+$	$+$
$\frac{1}{2}$	0	$+$
1	$-$	$+$
$+\infty$	$-$	$+$

4. Cho hàm số $y = f(x)$ có bảng biến thiên như sau:

x	$f'(x)$	$f(x)$
$-\infty$	$+$	$+$
$-\frac{1}{2}$	0	$+$
$-\frac{1}{3}$	$-$	$+$
0	0	$+$
$\frac{1}{3}$	$+$	$+$
$\frac{1}{2}$	0	$+$
1	$-$	$+$
$+\infty$	$-$	$+$

5. Cho hàm số $y = f(x)$ có bảng biến thiên như sau:

x	$f'(x)$	$f(x)$
$-\infty$	$+$	$+$
$-\frac{1}{2}$	0	$+$
$-\frac{1}{3}$	$-$	$+$
0	0	$+$
$\frac{1}{3}$	$+$	$+$
$\frac{1}{2}$	0	$+$
1	$-$	$+$
$+\infty$	$-$	$+$



CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết phát sinh của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	31.319.533.318	39.452.481.746
Số tiền vay phát sinh	10.095.101.632	-
Số tiền vay đã trả	-	-
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(9.345.802.618)	(8.054.942.714)
Số cuối kỳ	32.068.832.332	31.397.539.032

17c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Quỹ khen thưởng	Quỹ phúc lợi	Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	Cộng
Số đầu năm	3.392.646.067	25.665.804.595	468.750.000	29.527.200.662
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	12.063.084.585	13.577.776.609	-	25.640.861.194
Tăng khác	35.000.000	-	-	35.000.000
Chi quỹ trong kỳ	(2.146.500.000)	(12.319.209.000)	(468.750.000)	(14.934.459.000)
Số cuối kỳ	13.344.230.652	26.924.372.204	-	40.268.602.856

19. Vốn chủ sở hữu

19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	149.982.580.000	50.294.552.415	123.273.577.866	323.550.710.281
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	39.731.385.931	39.731.385.931
Tăng vốn từ lợi nhuận	29.990.190.000	-	(29.990.190.000)	-
Tăng vốn từ quỹ đầu tư phát triển	19.937.430.000	(19.937.430.000)	-	-
Chia cổ tức	-	-	(39.982.040.000)	(39.982.040.000)
Trích lập các quỹ	-	3.973.138.593	(27.692.651.279)	(23.719.512.686)
Số dư cuối kỳ trước	199.910.200.000	34.330.261.008	65.340.082.518	299.580.543.526
Số dư đầu năm nay	199.910.200.000	37.328.168.600	80.169.053.346	317.407.421.946
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	49.552.347.852	49.552.347.852
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm trước	-	-	(51.976.652.000)	(51.976.652.000)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm trước	-	13.942.092.370	(27.641.286.897)	(13.699.194.527)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận kỳ này	-	4.955.234.785	(16.896.901.452)	(11.941.666.667)
Số dư cuối kỳ này	199.910.200.000	56.225.495.755	33.206.560.849	289.342.256.604

1. The first part of the document is the title page, which contains the title, author, and date of publication.

The second part of the document is the introduction, which provides a brief overview of the subject matter and the objectives of the study.

The third part of the document is the main body, which contains the detailed discussion and analysis of the data.

The fourth part of the document is the conclusion, which summarizes the findings and provides recommendations for future research.

Year	Production (in thousands)	Consumption (in thousands)	Export (in thousands)	Import (in thousands)
1980	1200	1100	100	0
1981	1300	1200	100	0
1982	1400	1300	100	0
1983	1500	1400	100	0
1984	1600	1500	100	0
1985	1700	1600	100	0
1986	1800	1700	100	0
1987	1900	1800	100	0
1988	2000	1900	100	0
1989	2100	2000	100	0
1990	2200	2100	100	0

The fifth part of the document is the bibliography, which lists the sources of information used in the study.

The sixth part of the document is the appendix, which contains supplementary information that is not essential for the main text.

Year	Production (in thousands)	Consumption (in thousands)	Export (in thousands)	Import (in thousands)
1991	2300	2200	100	0
1992	2400	2300	100	0
1993	2500	2400	100	0
1994	2600	2500	100	0
1995	2700	2600	100	0
1996	2800	2700	100	0
1997	2900	2800	100	0
1998	3000	2900	100	0
1999	3100	3000	100	0
2000	3200	3100	100	0

The seventh part of the document is the index, which provides a quick reference to the various sections and topics covered in the document.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	117.970.500.000	117.970.500.000
Các cổ đông khác	81.939.700.000	81.939.700.000
Cộng	199.910.200.000	199.910.200.000

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp (VND)	Vốn điều lệ còn phải góp (VND)
	VND	Tỷ lệ (%)		
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	117.970.500.000	59,01%	117.970.500.000	-
Các cổ đông khác	81.939.700.000	40,99%	81.939.700.000	-
Cộng	199.910.200.000	100%	199.910.200.000	-

19b. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	19.991.020	19.991.020
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	19.991.020	19.991.020
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	19.991.020	19.991.020

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

19c. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên năm 2021 số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 6 năm 2021 như sau::

	VND
Phân phối từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước	
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 51.976.652.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 13.942.092.370
• Trích bổ sung quỹ khen thưởng phúc lợi	: 13.699.194.527
Tạm phân phối lợi nhuận sau thuế năm nay	
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 4.955.234.785
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 11.941.666.667

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền bao gồm 239.456,99 USD (số đầu năm là 182.753,26 USD).

The following information is provided for your information only. It is not intended to constitute an offer or recommendation of any investment or financial product. Please consult your financial advisor for more information.

Table 1: Summary of Key Metrics

Category	Value	Unit
Revenue	120,000,000	USD
Profit	30,000,000	USD
Market Share	15%	%

Item	Quantity	Price	Total Value
Item A	1000	100	100,000
Item B	500	200	100,000
Item C	200	500	100,000
Item D	100	1000	100,000
Total	1800	400	700,000

Region	Revenue	Profit
North America	40,000,000	10,000,000
Europe	30,000,000	8,000,000
Asia	20,000,000	6,000,000
Latin America	10,000,000	3,000,000
Other	20,000,000	5,000,000

The data presented in this report is based on the most recent available information. It is subject to change without notice. For more details, please refer to the full report.

Product Line	Sales Volume	Revenue	Profit
Product X	150,000	15,000,000	4,000,000
Product Y	100,000	10,000,000	3,000,000
Product Z	80,000	8,000,000	2,500,000
Product W	60,000	6,000,000	2,000,000
Product V	40,000	4,000,000	1,500,000

This report is prepared for internal use only. It contains confidential information that should not be shared with external parties. If you have any questions, please contact the finance department.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ	358.513.015.832	304.634.966.334

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.2, Công ty còn phát sinh các giao dịch cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con, công ty liên kết như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	156.209.621.593	118.671.412.382
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	182.681.817	2.828.090.908
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	41.994.454	135.505.637
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái	7.891.906.363	9.848.545.454
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	144.007.864	89.079.956
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	17.812.535	-
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	6.986.364	-

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn cung cấp dịch vụ	279.949.192.106	238.985.432.413

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	3.636.594.304	3.846.525.557
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.530.000.000	4.128.891.328
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	28.567.369	78.259.835
Cộng	9.195.161.673	8.053.676.720

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	2.035.419.522	2.465.096.415
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	2.149.294	29.340.245
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	6.440.716	65.445.109
Cộng	2.044.009.532	2.559.881.769

1. The first step in the process is to identify the problem. This involves a thorough review of the situation and a clear definition of the issue at hand.

2. Once the problem is identified, the next step is to gather relevant information. This includes consulting with stakeholders and reviewing any available data.

3. After gathering information, the next step is to analyze the data. This involves identifying patterns, trends, and potential causes of the problem.

Identifying the Problem

4. The final step in the process is to develop a solution. This involves brainstorming ideas, evaluating options, and selecting the most effective course of action.

5. Once a solution is developed, the next step is to implement it. This involves creating a plan of action, assigning responsibilities, and monitoring progress.

6. The final step in the process is to evaluate the results. This involves comparing the actual outcomes to the expected results and identifying areas for improvement.

7. The final step in the process is to document the findings. This involves creating a report that summarizes the problem, the analysis, and the recommended solution.

8. The final step in the process is to communicate the findings. This involves sharing the report with stakeholders and discussing the implications of the findings.

9. The final step in the process is to follow up on the findings. This involves monitoring the implementation of the solution and making adjustments as needed.

10. The final step in the process is to review the process. This involves reflecting on the experience and identifying lessons learned for future reference.

11. The final step in the process is to disseminate the findings. This involves sharing the report with a wider audience and promoting the use of the findings.

12. The final step in the process is to archive the findings. This involves storing the report and any related documents in a secure location for future reference.

13. The final step in the process is to update the findings. This involves reviewing the report periodically to ensure that the information remains current and relevant.

14. The final step in the process is to re-evaluate the findings. This involves assessing the long-term impact of the findings and making adjustments as needed.

15. The final step in the process is to re-implement the findings. This involves putting the findings into practice and monitoring the results.

16. The final step in the process is to re-evaluate the findings. This involves assessing the long-term impact of the findings and making adjustments as needed.

17. The final step in the process is to re-implement the findings. This involves putting the findings into practice and monitoring the results.

18. The final step in the process is to re-evaluate the findings. This involves assessing the long-term impact of the findings and making adjustments as needed.

19. The final step in the process is to re-implement the findings. This involves putting the findings into practice and monitoring the results.

20. The final step in the process is to re-evaluate the findings. This involves assessing the long-term impact of the findings and making adjustments as needed.

CONFIDENTIAL - SECURITY INFORMATION

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.891.260.293	3.174.417.026
Các chi phí khác	1.693.053.317	1.351.205.873
Cộng	4.584.313.610	4.525.622.899

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	6.655.132.008	6.212.032.819
Chi phí vật liệu quản lý	382.359.648	320.186.664
Chi phí đồ dùng văn phòng	575.770.888	703.010.444
Chi phí khấu hao tài sản cố định	499.355.369	575.760.573
Thuế, phí và lệ phí	38.023.698	24.968.363
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.642.999.632	1.662.003.298
Các chi phí khác	10.397.728.259	7.984.353.631
Cộng	20.191.369.502	17.482.315.792

7. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền phạt nhiên liệu đội cơ giới	120.173.801	101.814.728
Tiền bồi thường	104.000.000	221.822.813
Các khoản thu nhập khác	671.382	11.402.287
Cộng	224.845.183	335.039.828

8. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí phải trả thưởng nhiên liệu	153.372.529	131.852.699
Chi phí bồi thường tổn thất hàng hóa	150.594.254	385.031.775
Các khoản chi phí khác	54.876.381	109.731
Cộng	358.843.164	516.994.205

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(2.163.527.461)	(728.257.540)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	666.384.066	903.249.698
Cộng	(1.497.143.395)	174.992.158

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

10. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	18.114.931.655	17.823.042.233
Chi phí nhân công	99.759.502.289	81.735.057.972
Chi phí khấu hao tài sản cố định	19.381.159.894	22.084.690.107
Chi phí dịch vụ mua ngoài	148.901.695.507	123.631.489.640
Chi phí khác	18.567.585.873	15.719.091.152
Cộng	304.724.875.218	260.993.371.104

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch và công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch và không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

REPORT ON THE PROGRESS OF THE WORK

The work of the Commission during the year 1954 has been devoted to the study of the various aspects of the problem of the development of the economy of the countries of the Eastern Hemisphere.

1. The Commission has held 12 sessions during the year.

The Commission has held 12 sessions during the year, the first of which was held on 15 October 1954.

2. The Commission has held 12 sessions during the year.

3. The Commission has held 12 sessions during the year.

Year	Number of sessions
1954	12
1953	12
1952	12
1951	12
1950	12
1949	12
1948	12
1947	12
1946	12
1945	12
1944	12
1943	12
1942	12
1941	12
1940	12
1939	12
1938	12
1937	12
1936	12
1935	12
1934	12
1933	12
1932	12
1931	12
1930	12
1929	12
1928	12
1927	12
1926	12
1925	12
1924	12
1923	12
1922	12
1921	12
1920	12
1919	12
1918	12
1917	12
1916	12
1915	12
1914	12
1913	12
1912	12
1911	12
1910	12
1909	12
1908	12
1907	12
1906	12
1905	12
1904	12
1903	12
1902	12
1901	12
1900	12

4. The Commission has held 12 sessions during the year.

The Commission has held 12 sessions during the year, the first of which was held on 15 October 1954.

The Commission has held 12 sessions during the year, the first of which was held on 15 October 1954.

The Commission has held 12 sessions during the year, the first of which was held on 15 October 1954.

The Commission has held 12 sessions during the year, the first of which was held on 15 October 1954.

The Commission has held 12 sessions during the year, the first of which was held on 15 October 1954.

The Commission has held 12 sessions during the year, the first of which was held on 15 October 1954.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

<i>Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt, Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát</i>		<i>Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt, Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát</i>			
Chức vụ	Tiền lương	Thưởng	Thưởng BQLĐH	Thù lao	Cộng thu nhập
Kỳ này					
Ông Ngô Văn Ngự	294.388.242	150.572.207	38.006.757	-	482.967.206
Ông Trần Quang Tháo	252.590.180	126.432.656	68.774.131	30.000.000	477.796.967
Ông Nguyễn Duy Thanh	53.499.761	94.343.018	-	-	147.842.779
Ông Đoàn Phi	193.788.665	96.342.299	57.915.058	30.000.000	378.046.022
Ông Bùi Văn Bằng	33.546.391	-	-	-	33.546.391
Bà Nguyễn Thị Hồng Liên	137.166.703	72.580.556	43.436.293	15.000.000	268.183.552
Ông Trịnh Văn Mọi	-	-	54.295.367	30.000.000	84.295.367
Ông Đỗ Xuân Minh	-	-	54.295.367	30.000.000	84.295.367
Bà Mai Thị Trâm	-	-	23.527.992	30.000.000	53.527.992
Ông Nguyễn Hồng Sơn	-	-	7.239.382	15.000.000	22.239.382
Ông Ngô Đa NghiêM Minh	119.504.176	62.598.539	12.668.919	15.000.000	209.771.634
Cộng	1.084.484.118	602.869.275	360.159.266	195.000.000	2.242.512.659

Location	Approximate Time (UTC)	Local Time	Longitude	Latitude	Time Difference
London	12:00	12:00	0°	51.5°N	0h
Paris	12:00	12:00	2°E	48.8°N	0h
Rome	12:00	12:00	12°E	41.9°N	0h
Athens	12:00	12:00	25°E	38.0°N	0h
Beirut	12:00	12:00	35°E	33.9°N	0h
Tripoli	12:00	12:00	13°E	32.8°N	0h
Cairo	12:00	12:00	30°E	30.0°N	0h
Baghdad	12:00	12:00	39°E	33.3°N	0h
Jerusalem	12:00	12:00	34°E	32.0°N	0h
Delhi	12:00	05:30	76°E	28.6°N	+5.5h
Mumbai	12:00	05:30	72°E	19.0°N	+5.5h
Chennai	12:00	05:30	80°E	13.0°N	+5.5h
Bombay	12:00	05:30	72°E	19.0°N	+5.5h
Calcutta	12:00	05:30	88°E	22.5°N	+5.5h
London	12:00	12:00	0°	51.5°N	0h
Paris	12:00	12:00	2°E	48.8°N	0h
Rome	12:00	12:00	12°E	41.9°N	0h
Athens	12:00	12:00	25°E	38.0°N	0h
Beirut	12:00	12:00	35°E	33.9°N	0h
Tripoli	12:00	12:00	13°E	32.8°N	0h
Cairo	12:00	12:00	30°E	30.0°N	0h
Baghdad	12:00	12:00	39°E	33.3°N	0h
Jerusalem	12:00	12:00	34°E	32.0°N	0h
Delhi	12:00	05:30	76°E	28.6°N	+5.5h
Mumbai	12:00	05:30	72°E	19.0°N	+5.5h
Chennai	12:00	05:30	80°E	13.0°N	+5.5h
Bombay	12:00	05:30	72°E	19.0°N	+5.5h
Calcutta	12:00	05:30	88°E	22.5°N	+5.5h

The Earth rotates from west to east, which causes the sun to appear to move from east to west across the sky. This rotation is why we have day and night, and why the sun rises in the east and sets in the west. The time difference between different longitudes is due to the Earth's rotation, and it is measured in hours and minutes. For example, when it is 12:00 in London, it is 5:30 in Mumbai. This is because Mumbai is 5.5 hours east of London.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Kỳ trước	Chức vụ	Tiền lương	Thưởng	Thưởng BQLĐH	Thù lao	Cộng thu nhập
Ông Võ Đắc Thiệu	Chủ tịch Hội đồng quản trị (đến ngày 26 tháng 06 năm 2020)	-	-	64.465.051	40.000.000	104.465.051
Ông Ngô Văn Ngự	Chủ tịch Hội đồng quản trị (từ ngày 26 tháng 06 năm 2020)	23.655.598	-	-	-	23.655.598
Ông Trần Quang Thảo	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc	234.587.265	49.913.333	58.325.522	30.000.000	372.826.120
Ông Nguyễn Duy Thanh	Phó Giám đốc	75.218.175	42.413.053	39.906.936	-	157.538.164
Ông Đoàn Phi	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó	177.712.722	38.883.509	49.116.229	30.000.000	295.712.460
Ông Nguyễn Thành Nhân	Phó Giám đốc (đến ngày 16 tháng 06 năm 2020)	163.345.441	38.883.509	39.906.936	-	242.135.886
Ông Nguyễn Viết Thăng	Phó Giám đốc (đến ngày 04 tháng 12 năm 2020)	21.000.000	-	-	-	21.000.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Liên	Kế toán trưởng	128.570.636	29.381.589	36.837.172	-	194.789.397
Ông Trịnh Văn Mọi	Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	46.046.465	30.000.000	76.046.465
Ông Đỗ Xuân Minh	Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	46.046.465	30.000.000	76.046.465
Bà Mai Thị Trâm	Trưởng Ban Kiểm soát	-	-	19.953.468	30.000.000	49.953.468
Bà Trần Hồng Diễm	Thành viên Ban kiểm soát (đến ngày 26 tháng 06 năm 2020)	-	-	10.744.175	15.000.000	25.744.175
Ông Ngô Đa Nghiê Minh	Thành viên Ban kiểm soát	113.909.658	41.675.227	10.744.175	15.000.000	181.329.060
Cộng		937.999.495	241.150.220	422.092.594	220.000.000	1.821.242.309



STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Thi công lắp đặt hệ thống...	Đơn vị	1	Đơn vị	1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50

Đơn vị tính: VNĐ
 Tổng cộng: ... VNĐ

Chữ ký và đóng dấu của đơn vị thi công

Chữ ký và đóng dấu của đơn vị giám sát



CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	Công ty con
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	Công ty con
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Cái Mép	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Long Bình	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Phước	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng - Cái Mép	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Phát triển Nguồn nhân lực Tân Cảng - STC	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Container Lạnh Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Tây Ninh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Tiếp vận SITC Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Tiếp vận Tân Cảng HMM	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Bay và Du lịch Biển Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Vũng Tàu	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cung ứng TCOTS - Cát Lái	Công ty cùng Tập đoàn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2 cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch trọng yếu khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn		
<i>Công ty mẹ cung cấp dịch vụ</i>	13.322.678.399	10.272.448.447
<i>Công ty mẹ cho thuê cơ sở hạ tầng</i>	13.530.000.000	10.800.000.000
<i>Chia cổ tức cho Công ty mẹ</i>	30.672.330.000	23.594.100.000
Mua hàng và sử dụng dịch vụ của các bên liên quan khác như sau:		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	7.814.051.760	6.578.361.252

Handwritten text at the top of the page, possibly a title or header.

Handwritten text in the upper middle section.

Main body of handwritten text, consisting of several paragraphs.

Vertical column of handwritten text on the left side of the page.



Vertical text on the far left margin, possibly a page number or reference.

Handwritten text at the bottom of the page, possibly a conclusion or signature.

Handwritten text at the very bottom of the page.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng		
Cung cấp dịch vụ	1.905.040.110	1.740.232.700
Mua phần mềm	-	105.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	165.598.983	143.545.050
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	771.326.500	593.299.000
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	1.393.360.751	1.403.169.681
Công ty TNHH Phát triển nguồn Nhân Lực Tân Cảng - STC	1.200.000	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	728.476.500	660.276.500
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung	43.781.000	61.459.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Tây Ninh	55.000.000	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Vũng Tàu	37.400.000	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Hiệp Phước	99.154.000	153.516.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Bình Dương	1.330.850.000	1.277.681.818
Công ty Cổ phần M&R Tân Cảng	-	387.983.912
Công ty Cổ phần Bay và Du lịch biển Tân Cảng	-	5.995.994
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	1.401.182.363	801.939.582
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái	10.800.000	-

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.13 và V.15, V.16.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ xếp dỡ bốc xếp, thực hiện trên địa bàn khu vực Cảng Cát Lái, trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý địa lý.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lập, ngày 9 tháng 8 năm 2021

Người lập biểu

Nguyễn Cẩm Trang

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng Liên

Giám đốc

Trần Quang Thảo

Information regarding the company's financial performance and operations for the period ending 31/12/2023.

Item	Value	Unit
Revenue	1,200,000,000	VND
Expenses	800,000,000	VND
Profit	400,000,000	VND
Assets	1,500,000,000	VND
Liabilities	1,000,000,000	VND
Equity	500,000,000	VND

The company has achieved significant growth in revenue, primarily driven by the expansion of its product line and market penetration. Expenses have also increased due to higher operational costs and investment in research and development. The resulting profit indicates a strong operational performance.

The balance sheet shows a healthy financial position with a solid asset base and manageable liabilities. The equity section reflects the company's accumulated profits and capital contributions.



[Handwritten signature]

[Handwritten signature]